

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Quản lý
dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ về tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 1100/2017/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh quản lý;

Căn cứ Quyết định số 3636/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 3345/SNV-TCBC ngày 15/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Nội vụ, Tài chính, Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, THKH, CN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

QUY CHẾ

**Hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư
công trình giao thông Thanh Hóa**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc làm việc, quyền, trách nhiệm, quan hệ công tác của các cá nhân, tổ chức có liên quan đến hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là Ban Quản lý dự án).

Điều 2. Nguyên tắc làm việc

1. Đối với Ban Giám đốc Ban Quản lý dự án:

a) Bảo đảm sự chỉ đạo điều hành thống nhất của Giám đốc Ban Quản lý dự án đối với toàn bộ hoạt động của Ban Quản lý dự án.

b) Lãnh đạo Ban Quản lý dự án điều hành theo nguyên tắc tập trung dân chủ, mọi hoạt động của Ban Giám đốc phải đảm bảo theo chủ trương, đường lối, sự lãnh đạo của Đảng; tuân thủ đúng quy định của pháp luật; sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng cho viên chức và người lao động. Chịu trách nhiệm báo cáo định kỳ hoặc đột xuất với Chủ tịch UBND tỉnh về các hoạt động, kết quả công tác của Ban Quản lý dự án.

c) Giải quyết công việc theo đúng phạm vi, thẩm quyền và trách nhiệm, tuân thủ trình tự, thủ tục và thời gian theo quy định của pháp luật; thực hiện chương trình, kế hoạch công tác và Quy chế hoạt động, Quy chế làm việc của Ban Quản lý dự án; đồng thời thường xuyên đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, lề lối làm việc theo hướng công khai, minh bạch, có hiệu quả.

d) Đề cao sự phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc và trong mọi hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Đối với phòng chức năng, nghiệp vụ, điều hành dự án:

Lãnh đạo các phòng có trách nhiệm tham mưu, giúp Ban Giám đốc thực hiện các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Ban Quản lý dự án và trước pháp luật về các vấn đề thuộc chức

năng, nhiệm vụ và đề xuất của mình.

3. Đối với viên chức, người lao động:

Chịu sự phân công, chỉ đạo của Trưởng phòng và chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng, Giám đốc Ban Quản lý dự án và trước pháp luật về thực hiện các nhiệm vụ được giao, được ủy nhiệm thực hiện nhiệm vụ theo quy định. Trong trường hợp Ban Giám đốc trực tiếp điều động, phân công viên chức, người lao động thực hiện các công việc đột xuất thì viên chức, người lao động đó phải báo cáo Trưởng phòng để theo dõi, kiểm tra.

Điều 3. Chế độ hội họp, báo cáo, chế độ kiểm tra, giám sát

1. Thực hiện chế độ hội họp với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các nhà thầu, các chủ đầu tư ủy thác quản lý dự án, các đơn vị liên quan và thực hiện chế độ giao ban nội bộ Ban Quản lý dự án.

2. Thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên, định kỳ, đột xuất (nếu có) đối với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và trong nội bộ Ban Quản lý dự án.

3. Thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát đối với dự án được giao quản lý, ủy thác và các hoạt động trong nội bộ Ban Quản lý dự án.

Chương II **QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC THÀNH VIÊN** **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN**

Điều 4. Quyền và trách nhiệm của Giám đốc Ban Quản lý dự án

1. Giám đốc Ban Quản lý dự án chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của Ban Quản lý dự án và là chủ tài khoản của đơn vị.

2. Xây dựng, ban hành Quy chế làm việc và các quy định nội bộ khác về hoạt động của Ban Quản lý dự án.

3. Phân công nhiệm vụ cho các Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án và các phòng. Tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, nâng lương, khen thưởng, kỷ luật các chức danh Trưởng, Phó trưởng phòng, Giám đốc quản lý dự án, viên chức, người lao động thuộc Ban Quản lý dự án theo quy định hiện hành của pháp luật và UBND tỉnh.

4. Tổ chức, chủ trì các cuộc họp định kỳ và đột xuất (nếu có) của Ban Quản lý dự án; đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ công tác của các phòng và của các thành viên Ban Quản lý dự án.

5. Ký các văn bản, hồ sơ có liên quan đến các chức năng, nhiệm vụ của Ban Quản lý dự án.

6. Thực hiện quyền và các nhiệm vụ khác do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền và trách nhiệm của các Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong phạm vi được Giám đốc Ban Quản lý dự án phân công hoặc ủy quyền; thực hiện chế độ báo cáo về tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.
2. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh, Giám đốc Ban Quản lý dự án và pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.
3. Tham gia các cuộc họp, đề xuất hoặc kiến nghị về các giải pháp, biện pháp cần thiết để thực hiện nhiệm vụ được giao và các nhiệm vụ của Ban Quản lý dự án.

Điều 6. Quyền và trách nhiệm Kế toán trưởng

1. Có trách nhiệm giúp Giám đốc Ban Quản lý dự án tổ chức hoạt động kế toán, quản lý thu, chi tài chính, kinh phí hoạt động của Ban Quản lý dự án và tổ chức bộ máy kế toán Ban Quản lý dự án theo quy định tại Điều 55 Luật Kế toán năm 2015.
2. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Ban Quản lý dự án đối với những nhiệm vụ được giao và tuân thủ theo quy định của pháp luật về kế toán, tài chính của đơn vị.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của viên chức, người lao động Ban Quản lý dự án

1. Được đảm bảo về điều kiện làm việc, được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và được hưởng các quyền lợi theo quy định của pháp luật.
2. Có trách nhiệm thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao, chấp hành tốt pháp luật, chính sách hiện hành và quy chế làm việc của đơn vị; có quyền từ chối thực hiện công việc được giao khi xét thấy công việc đó không phù hợp với quy định của pháp luật; hoặc khi xét thấy công việc được giao sẽ ảnh hưởng đến uy tín, quyền lợi của đơn vị, nhưng phải được sự chấp thuận của Trưởng phòng phụ trách.
3. Có quyền đề xuất, đóng góp ý kiến về biện pháp thực hiện nhiệm vụ được giao và xây dựng đơn vị.
4. Chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng (hoặc Giám đốc quản lý dự án) và Ban Giám đốc Ban Quản lý dự án về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.
5. Có trách nhiệm bảo quản và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài sản của đơn vị.

Chương III TÀI CHÍNH, TÀI SẢN

Điều 8. Chế độ tài chính, tài sản

1. Là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính, tự bảo đảm chi thường xuyên theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ về tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức

lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước; được mở tài khoản giao dịch tại Ngân hàng thương mại để phản ánh các khoản thu, chi từ hoạt động quản lý dự án theo quy định pháp luật.

3. Có tổ chức bộ máy kế toán Ban Quản lý dự án theo quy định của Luật Kế toán, có trách nhiệm quản lý sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn kinh phí được cấp để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật.

4. Hàng năm, Ban Quản lý dự án có trách nhiệm lập dự toán thu, chi và mở sổ kế toán theo dõi, quản lý sử dụng các nguồn kinh phí theo quy định của pháp luật; báo cáo tổng hợp dự toán và quyết toán hàng năm với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 9. Các nguồn tài chính của Ban Quản lý dự án

1. Vốn đầu tư phát triển của các dự án được giao hoặc ủy thác quản lý thực hiện.

2. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên (nếu có).

3. Ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ trong trường hợp cần thiết (nếu có).

4. Các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án, gồm:

a) Nguồn thu từ hoạt động Quản lý dự án được chủ đầu tư giao quản lý hoặc được ký kết theo hợp đồng ủy thác Quản lý dự án.

b) Nguồn thu từ thực hiện các công việc tư vấn trong hoạt động xây dựng cho các chủ đầu tư khác (nếu có) theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng.

c) Các nguồn thu hợp pháp khác và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Nội dung chi

1. Chi thường xuyên, gồm: Chi tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp do nhà nước quy định; chi tiền công cho lao động hợp đồng; các khoản đóng góp theo lương; trả thu nhập tăng thêm; chi dịch vụ công cộng; chi vật tư văn phòng; chi thông tin, tuyên truyền, liên lạc, hội nghị, công tác phí; chi thuê mướn; chi đoàn ra, đoàn vào, khấu hao tài sản cố định, sửa chữa tài sản, các khoản thuế phải nộp theo quy định pháp luật và các khoản khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Chi không thường xuyên, gồm: Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại, chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, chi các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án, đề án khác, chi kinh phí đối ứng thực hiện các dự án theo quyết định của cấp có thẩm quyền; chi vốn đầu tư phát triển; chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án, sửa chữa lớn tài sản cố định; chi thực hiện tinh giản biên chế theo chế độ hiện hành của Nhà nước (nếu có) và các khoản chi phù hợp khác theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 11. Sử dụng kết quả hoạt động tài chính trong năm

Hàng năm, sau khi trang trải các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp

khác theo quy định, phân chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có), Ban Quản lý dự án sử dụng theo trình tự như sau:

1. Trích lập các quỹ theo quy định của Bộ Tài chính tại Điều 19 Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước; Khoản 11 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC ngày 28/01/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017; Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ về tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; các hướng dẫn khác có liên quan và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

2. Trả thu nhập tăng thêm: Ban Quản lý dự án thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo nguyên tắc gắn với số lượng, chất lượng và hiệu quả công tác sau khi cân đối đủ các khoản chi theo quy định trong năm kế hoạch; hệ số thu nhập tăng thêm của chức danh lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công tối đa không quá 2 lần hệ số thu nhập tăng thêm bình quân thực hiện của người lao động trong đơn vị.

3. Các khoản thuê, khoán: Thực hiện theo quy định pháp luật.

4. Sử dụng các quỹ của Ban Quản lý dự án gồm các khoản theo quy định của Bộ Tài chính tại Điều 20 Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước; Khoản 12 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC ngày 28/01/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017; Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ về tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, các hướng dẫn khác có liên quan và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Điều 12. Quản lý tài sản, vật tư, trang thiết bị

1. Ban Quản lý dự án được trang bị tài sản để phục vụ công tác quản lý dự án theo quy định của pháp luật. Tài sản của Ban Quản lý dự án phải được sử dụng đúng quy định của pháp luật, được sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả. Nghiêm cấm việc cho thuê, mượn, biếu, tặng và sử dụng tài sản của Ban quản lý dự án vào mục đích cá nhân. Tài sản không có nhu cầu sử dụng phải được xử lý theo quy định hiện hành.

2. Ban Quản lý dự án định kỳ báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, về các tài sản được nhà thầu, nhà cung cấp bàn giao, tặng cho hoặc để lại (nếu có) cho Ban Quản lý dự án để quản lý sử dụng theo quy định của pháp luật.

Chương IV MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 13. Đối với người quyết định thành lập, người quyết định đầu tư

1. Chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của Chủ tịch UBND tỉnh, người

quyết định đầu tư của các dự án được giao chủ đầu tư trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được người quyết định đầu tư ủy quyền.

2. Trình phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban Quản lý dự án (kể cả trong trường hợp điều chỉnh, bổ sung).

3. Trình thẩm định, phê duyệt các nội dung thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư theo nhiệm vụ được giao và theo quy định của pháp luật.

4. Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình triển khai thực hiện các dự án được giao quản lý; đề xuất biện pháp xử lý những vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết của mình.

5. Giải trình các nội dung cần thiết theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh, người quyết định đầu tư.

6. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng thuộc và trực thuộc UBND tỉnh, người quyết định đầu tư trong việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý dự án.

Điều 14. Đối với chủ đầu tư ủy thác quản lý dự án, chủ quản lý sử dụng công trình

Thực hiện các quyền, nghĩa vụ đối với chủ đầu tư ủy thác quản lý dự án theo hợp đồng ký kết và theo quy định của pháp luật có liên quan; chịu sự kiểm tra, giám sát của chủ đầu tư và các cơ quan có chức năng trong quá trình thực hiện các dự án nhận ủy thác quản lý dự án.

Điều 15. Đối với nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu liên quan

1. Tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu thuộc dự án do mình làm chủ đầu tư hoặc được ủy thác quản lý thực hiện; đàm phán, ký kết và thực hiện hợp đồng với nhà thầu xây dựng được lựa chọn theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các quyền, nghĩa vụ đối với nhà thầu xây dựng theo quy định của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tiếp nhận, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết các đề xuất, vướng mắc của nhà thầu trong quá trình thực hiện.

Điều 16. Đối với các sở, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã

1. Thực hiện (hoặc theo ủy quyền) các thủ tục liên quan đến công tác chuẩn bị dự án, chuẩn bị xây dựng theo quy định của pháp luật.

2. Trình cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp thẩm định dự án, thiết kế và dự toán xây dựng công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng.

3. Phối hợp kịp thời với UBND các huyện, thị xã, thành phố nơi có dự án đầu tư trong việc thực hiện công tác bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng, tái định cư khi dự án có yêu cầu về thu hồi đất để xây dựng.

4. Phối hợp với chính quyền địa phương (nơi có dự án đầu tư) trong công tác quản lý hành chính, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn của cộng đồng trong quá trình thực hiện dự án và bàn giao công trình vào khai thác, sử dụng; phối hợp

chặt chẽ với chính quyền địa phương các cấp, các nhà thầu, đơn vị tư vấn và các đơn vị để giải quyết các công việc có liên quan.

5. Báo cáo, giải trình về tình hình thực hiện, quản lý dự án khi được yêu cầu, về sự cố công trình, an toàn trong xây dựng và các vấn đề phát sinh đối với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chủ động giải quyết và đề xuất biện pháp phối hợp xử lý những vấn đề vượt quá thẩm quyền.

6. Chịu sự hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của các sở, ngành thuộc UBND tỉnh và tuân thủ theo quy định pháp luật, trên tinh thần trách nhiệm, nhanh, kịp thời, tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban quản lý dự án hoàn thành nhiệm vụ được giao.

7. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Giám đốc Ban Quản lý dự án có trách nhiệm triển khai nội dung Quy chế này đến toàn thể viên chức, người lao động trong Ban Quản lý dự án và có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc không phù hợp với thực tế cần điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, Giám đốc Ban Quản lý dự án kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định./.